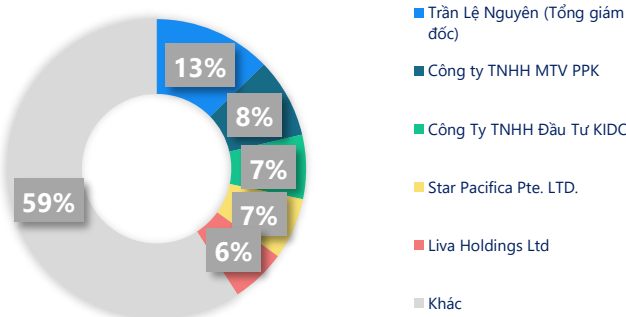


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

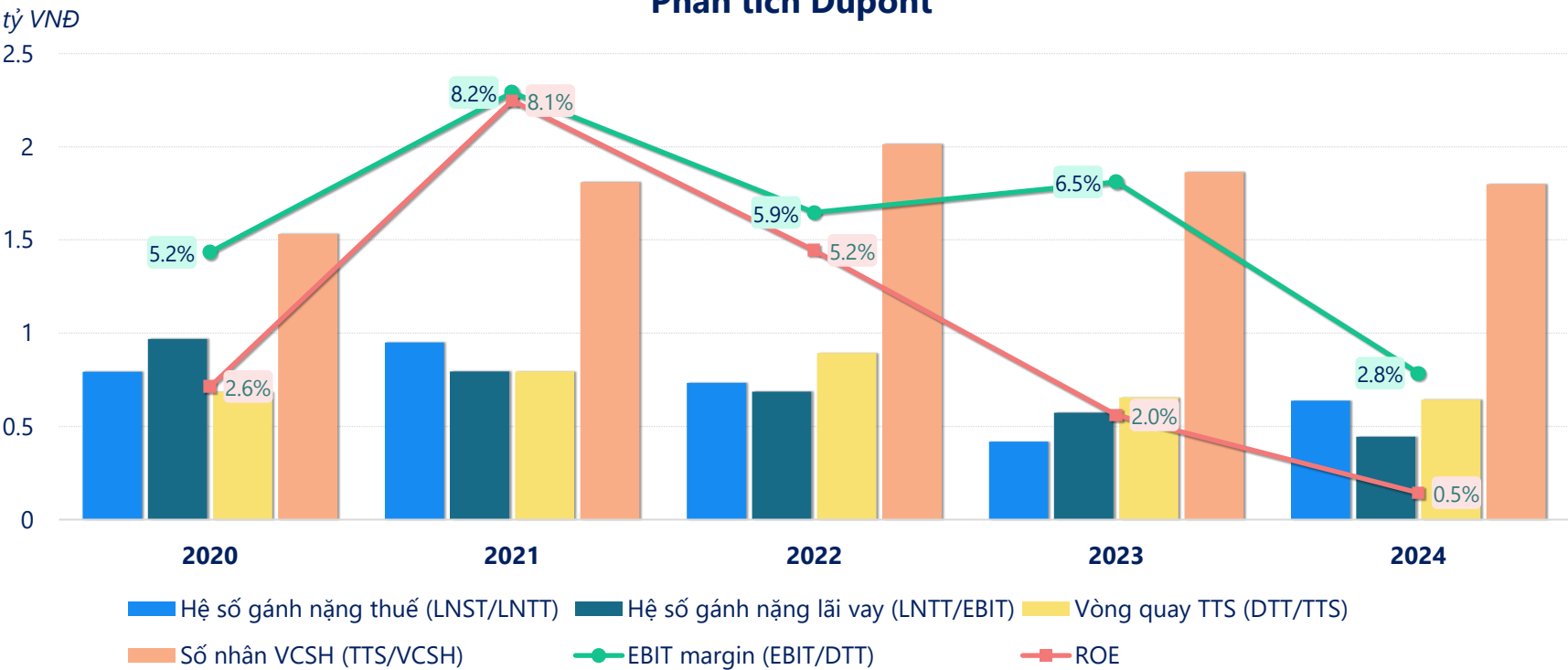
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		58,400
Sàn giao dịch		HSX
Khoảng giá 52 tuần		49,711 - 65,227
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		16,925
Số lượng CPLH (CP)		289,806,316
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,866,151
Sở hữu nước ngoài		18.0%
Beta		0.25
EPS		189
P/E		308.8

	YTD	1T	3T	6T
KDC		15.9%	16.1%	4.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu cổ đông



Phân tích Dupont



DT thuần

2024

8,324

tỷ VNĐ

YoY: ▼326 | -3.8%

LN sau thuế

2024

66.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼68.1 | -50.5%

ROE

2024

0.5%

+/- YoY: ▼ 1.5%

ROA

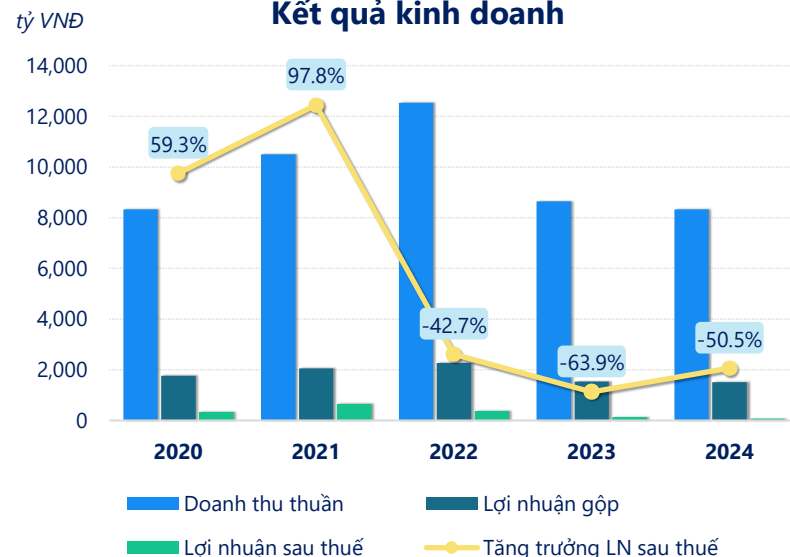
2024

0.3%

+/- YoY: ▼ 0.8%

CTCP Tập đoàn KIDO (HSX: KDC)

Kết quả kinh doanh

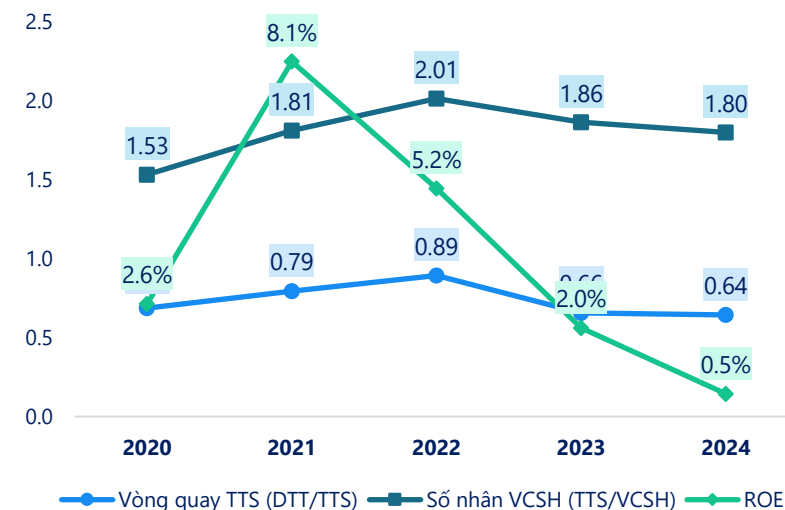


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **giảm xuống** còn **2.83%**, phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.64**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.44**, **thấp hơn** so với năm trước là dấu hiệu cho thấy chi phí lãi vay đang tăng nhanh hơn so với lợi nhuận trước thuế.

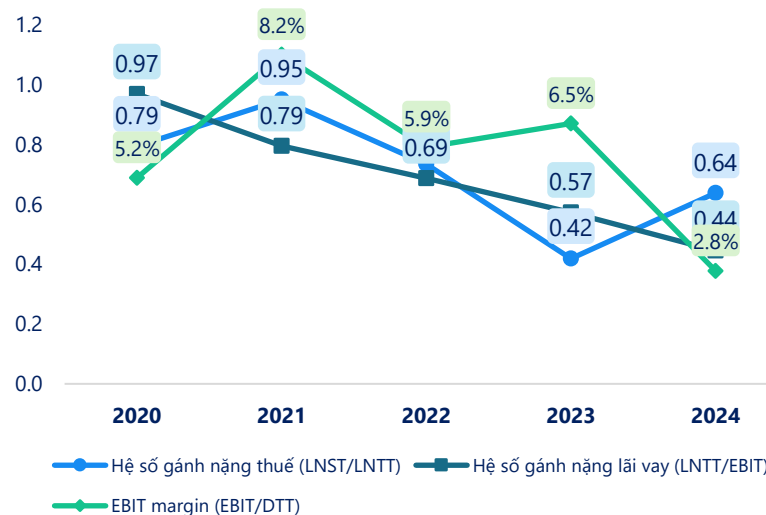
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **KDC** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **8,324** tỷ đồng **giảm 3.77%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 50.5%** chỉ còn **66.88** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **0.52%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

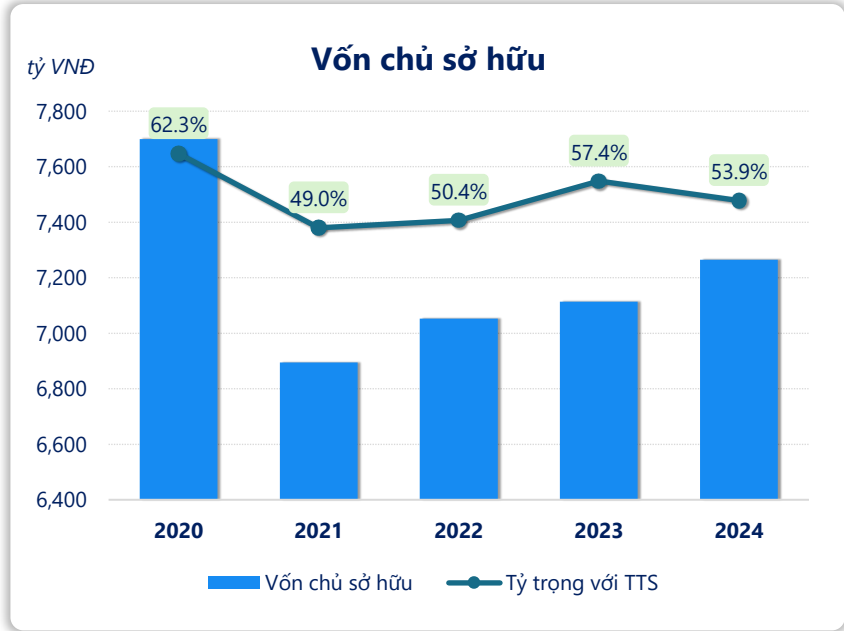
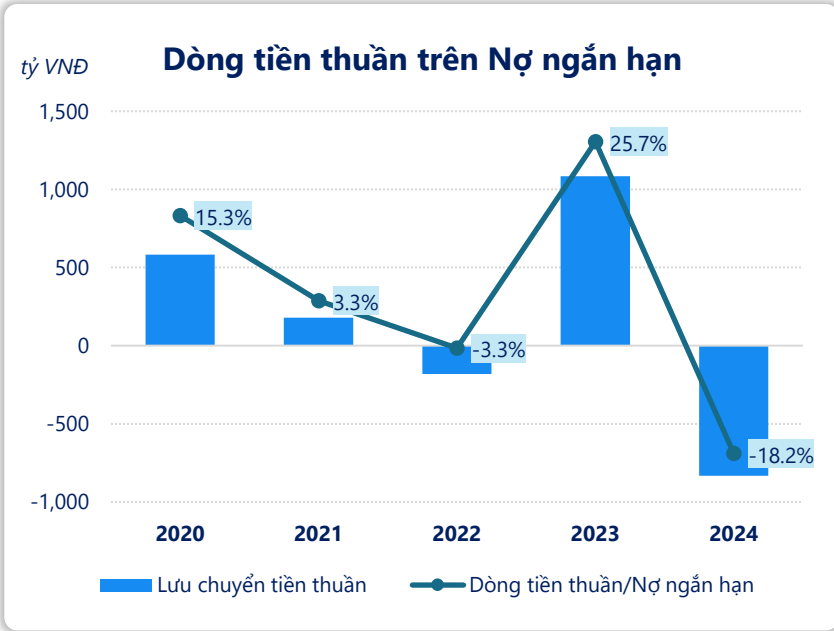
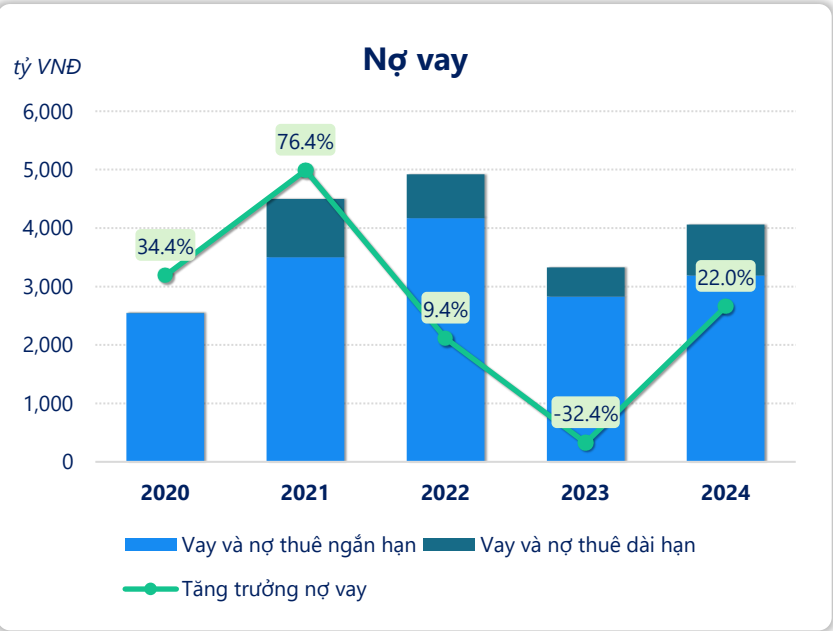
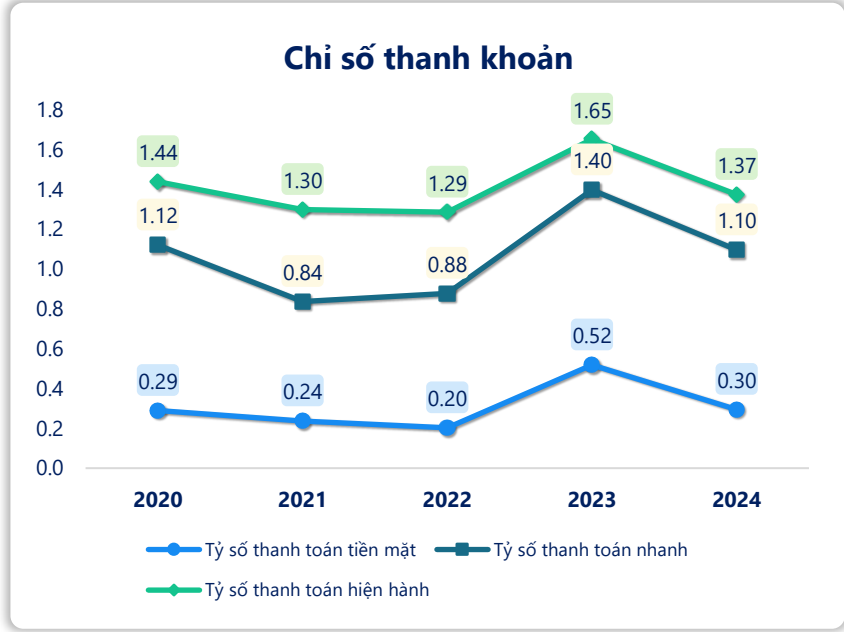
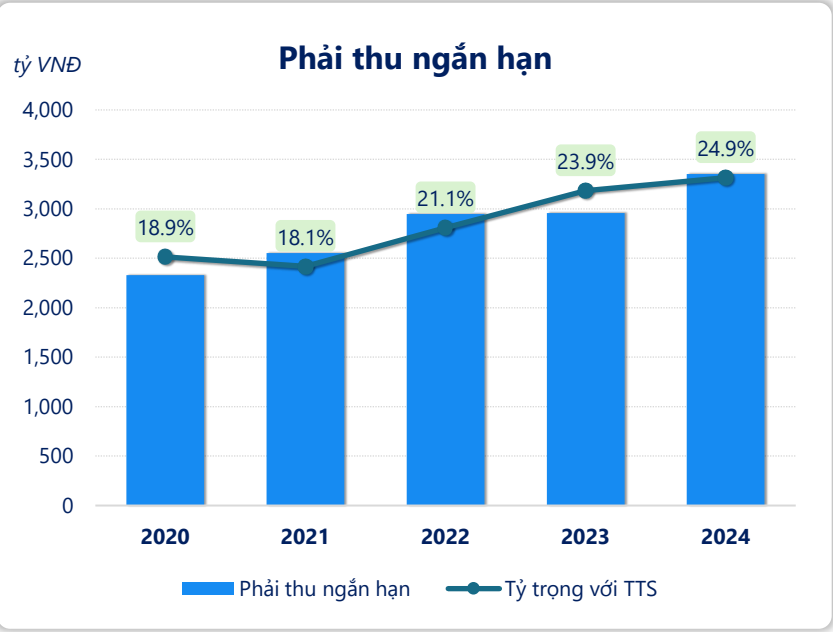
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tổng tài sản đạt **0.64**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **1.80** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	13,224	12,391	6.7%
Tài sản ngắn hạn	6,300	6,964	-9.5%
Tiền và tương đương tiền	1,355	2,185	-38.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	174	619	-71.9%
Phải thu ngắn hạn	3,353	2,957	13.4%
Hàng tồn kho	1,271	1,072	18.5%
Tài sản ngắn hạn khác	148	131	13.2%
Tài sản dài hạn	6,924	5,427	27.6%
Phải thu dài hạn	21.2	21.5	-1.5%
Tài sản cố định	2,594	2,582	0.4%
Bất động sản đầu tư	409	4.22	9590%
Tài sản dở dang	65.0	4.90	1226%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,254	2,043	10.4%
Tài sản dài hạn khác	367	161	129%
Lợi thế thương mại	1,214	611	98.7%
Nợ phải trả	6,084	5,277	15.3%
Nợ ngắn hạn	4,529	4,214	7.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,138	2,826	11.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	676	426	58.7%
Nợ dài hạn	1,555	1,063	46.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	923	501	84.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,139	7,114	0.4%
Vốn chủ sở hữu	7,139	7,114	0.4%
Vốn điều lệ	2,898	2,898	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	8,324	10,497	12,535	8,650	8,324
Giá vốn hàng bán	6,559	8,446	10,262	7,113	6,812
Lợi nhuận gộp	1,765	2,051	2,274	1,536	1,512
Doanh thu HĐTC	81.0	160	250	1,330	163
Chi phí TC	144	194	274	1,017	136
Chi phí lãi vay	13.6	178	233	241	131
LN trong công ty LKLD	172	110	104	75.3	150
Chi phí bán hàng	1,044	1,197	1,446	1,181	1,135
Chi phí QLDN	422	243	409	422	456
LN thuần từ HĐKD	408	689	499	322	99.2
Lợi nhuận khác	8.17	-0.69	12.1	1.33	5.59
LN trước thuế	416	688	511	323	105
Lợi nhuận sau thuế	330	653	375	135	66.9
LNST của CĐ cty mẹ	204	590	363	143	37.3

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	97.0	-20.8	-381	838	527
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	338	-1,243	-300	582	-1,534
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	147	1,443	499	-336	174
Tiền đầu kỳ	525	1,102	1,281	1,100	2,185
Lưu chuyển tiền thuần	582	179	-181	1,084	-832
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.41	-0.16	-0.27	1.04	0.06
Tiền cuối kỳ	1,106	1,281	1,100	2,185	1,353